VAI TRÒ CỦA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ TRONG TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM MỚI

TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA*

Ban Sử Địa Văn thành lập ngày 2-12-1953 trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đang vào giai đoạn tiến công chiến lược tiến tới chiến thắng Điện Biên Phủ là sự kế thừa truyền thống viết sử và nền sử học lâu đời cha ông để lại, kết hợp tinh thần độc lập dân tộc và nhân văn sâu sắc của thời đại Hồ Chí Minh. Trước Cách mạng tháng Tám 1945 đã có nhiều tác phẩm sử học của các chí sĩ yêu nước, của các lãnh tụ và chiến sĩ cách mạng vô sản như *Việt Nam vong quốc sử, Việt Nam quốc sử khảo, Việt Nam nghĩa liệt sử* của Phan Bội Châu; *Bản án chế độ thực dân Pháp* (viết bằng tiếng Pháp), *Đường Kách mệnh, Lịch sử nước ta* (diễn ca) của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc; *Dự thảo lịch sử Đảng Cộng sản Đông Dương; Vấn đề dân cày* của Qua Ninh và Vân Đình (Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp). Sau khi Ban Sử - Địa - Văn được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Quyết định thành lập vào ngày 2-12-1953, Trưởng Ban Trần Huy Liệu đã lên kế hoạch ra Tập san *Sử Địa Văn*, coi đó "là phương tiện học hỏi, thảo luận, trao đổi ý kiến giữa ban và các cộng tác viên cùng bạn đọc" (1); là nơi trình bày các chuyên luận lịch sử, nghiên cứu sự phát triển của xã hội, đặc biệt, tìm hiểu sâu về cách mạng Việt Nam. Đây là tập san khoa học lịch sử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cũng là tập san đầu tiên chuyên sâu về khoa học lịch sử của Việt Nam thời hiện đại, được công bố hoàn toàn bằng tiếng Việt.

48 số của Tập san *Văn Sử Địa* (từ tháng 6-1954 đến tháng 1-1959) và sau này là Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, cùng với các tập san, tạp chí nghiên cứu của các cơ quan và cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam (2), đã góp phần xây dựng nền sử học Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh mang tính khoa học, dân tộc, đại chúng theo tinh thần của bản *Đề cương về văn hoá Việt Nam,* do đồng chí Trường Chinh, khi đó là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng soạn thảo năm 1943. Mặc dù trên số đầu tiên ghi đây là Tập san *Sử ký - Địa lý - Văn học* nhưng các chuyên khảo được công bố không còn mang tính "Sử ký" với phương thức ghi chép lịch sử truyền thống mà đã vận dụng phương pháp luận lịch sử hiện đại, cụ thể là phương pháp luận mác-xít với nền tảng là chủ nghĩa duy vật lịch sử và duy vật biện chứng, nhìn nhận mọi sự vật hiện tượng trong nguyên lý phát triển và các mối liên hệ phổ biến, giải thích và đưa ra quy luật vận động của lịch sử hơn là mô tả thuần tuý; và đặc biệt luôn có cái nhìn phê phán và phản biện. Các chuyên luận trên tạp chí cũng hướng đến tính dân tộc, đại chúng, trong đó nhân dân là chủ thể lịch sử. Với 48 số của Tập san *Văn Sử Địa* (VSĐ) (3) và 568 số của Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

(NCLS) (tính đến số 8-2023), Tạp chí đã có đóng góp to lớn cho nền sử học Việt Nam mới, đồng hành cùng sự phát triển của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và sau này là Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hướng tới *Lễ kỷ niệm 70 năm thành lập Viện Sử học (1953-2023)*, bài viết nhìn nhận về vai trò của Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* trong xây dựng nền sử học Việt Nam mới, dựa trên các yếu tố: tuân thủ nguyên tắc của phương pháp luận mác-xít, đề cao tính dân tộc, tính đại chúng và nỗ lực hợp tác quốc tế (4).

1. Tuân thủ các nguyên tắc của phương pháp luận mác - xít trong nghiên cứu lịch sử

Số đầu tiên của Tập san *Sử Địa Văn* (SĐV) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sử học đối với cách mạng Việt Nam, khẳng định các nhà lãnh đạo Việt Nam đều am hiểu tình hình trong nước và thế giới, am hiểu lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới, từ đó vận dụng thực tiễn phù hợp với diễn biến và bối cảnh lịch sử chung. Bài viết nhận định "Cách mạng Việt Nam thắng lợi trước hết là nhờ Đảng lãnh đạo đã nghiên cứu quy luật lịch sử thế giới và quy luật lịch sử của Việt Nam để chỉ đạo cách mạng. Muốn nắm được quy luật lịch sử, thể tất phải đụng đến vấn đề thực tế lịch sử, vấn đề khoa học lịch sử" (5). Khoa học lịch sử dựa trên nguyên lý phát triển và nguyên lý các mối liên hệ phổ biến giúp xem xét nhìn nhận thực tiễn lịch sử trong toàn bộ các khía cạnh phức tạp của nó, từ đó hiểu được bản chất của sự vật hiện tượng. Bên cạnh đó, khoa học lịch sử không chỉ giải quyết vấn đề nhận thức, giúp xây dựng một lập trường tư tưởng cách mạng chính xác, mà còn giải quyết cả những vấn đề tình cảm. Hiểu lịch sử sâu sắc càng thêm yêu đất nước và con người Việt Nam.

Phương pháp duy vật lịch sử và biện chứng lịch sử đã được áp dụng để giải quyết các vấn đề quan trọng của lịch sử như dân tộc Việt Nam hình thành từ bao giờ, tiêu chuẩn để phân kỳ lịch sử Việt Nam, chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam, nghiên cứu về giai cấp công nhân Việt Nam, giai cấp tư sản Việt Nam, nhìn nhận về nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam. Đặc biệt, các nhà sử học đồng hành cùng thời đại của mình, phản ánh thực tiễn hào hùng của dân tộc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh thực hiện thống nhất Tổ quốc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của một đảng chân chính mác-xit Lê-nin-nít, quán triệt tinh thần "thắng không kiêu, bại không nản" (6), thực hiện công cuộc Đổi mới hướng tới "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh", là mục tiêu tối thượng của chủ nghĩa xã hội.

Phương pháp duy vật lịch sử cụ thể đã được nhà sử học Đào Duy Anh áp dụng khi tìm hiểu về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, đã khẳng định văn hoá Đông Sơn chính là văn hoá của người Lạc Việt ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ dựa vào phương pháp phân tích logic và khảo cứu các dữ liệu lịch sử khách quan, dựa vào các khai quật khảo cổ (7). Trước đó, tập san của Viện Viễn Đông bác cổ Pháp đã công bố các phát hiện khảo cổ liên quan đến thời đại đồ đồng ở Đông Sơn. Một số học giả như Janse và Geldern cho rằng văn hoá Đông Sơn chịu ảnh hưởng của văn hoá Han-tát (Hallstatt) hoặc Goloubew và Finot thì cho rằng Đông Sơn chịu ảnh hưởng văn hoá Hán. Học giả Đào Duy Anh đã chứng minh rằng kỹ nghệ đồ đồng là một kỹ nghệ thuần tuý Lạc-Việt và chủ nhân của văn hoá Đông Sơn chính là người Lạc-Việt (8).

Một trong những nhiệm vụ của nhà sử học hiện đại là đóng góp cho thời đại của mình. Nếu như ở phương Tây, chỉ đến thế kỷ XIX giới trí thức được hình thành như một giai tầng xã hội, có tiếng nói và vai trò nhất định được gọi là intelligentsia (giới trí thức), mà trước đó họ chỉ được gọi là kẻ sĩ (literati) (9). Ở Việt Nam từ thời xa xưa các

sử gia đã có tiếng nói đối với triều đình và trong xã hội, có quyền phán xét và phản biện, được triều đình và các vị vua chúa lắng nghe. Chính vì thế, trong thời đại Hồ Chí Minh, các nhà nghiên cứu lịch sử đặt ra cho mình sứ mệnh đồng hành cùng hơi thở của thời đại, không xa rời hiện thực cuộc sống (10). Năm 1991, trong không khí của công cuộc đổi mới được Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng từ năm 1986, Tạp chí NCLS cho ra mắt chuyên san đặc biệt "Sử học và đổi mới", thể hiện sự hưởng ứng mạnh mẽ chủ trương đổi mới của Đảng, nhấn mạnh "Là một bộ phận của khoa học xã hội, khoa học lịch sử có trách nhiệm góp phần vào việc đổi mới tư duy, cung cấp những cơ sở khoa học cho Đảng và Nhà nước hoạch định đường lối, chính sách. Và để phục vụ có chất lượng, hiệu quả sự nghiệp Đổi mới của Đảng, khoa học xã hội, trong đó có khoa học lịch sử phải tự đổi mới" (11). Nhiều ý kiến thống nhất cho rằng "sử học đóng vai trò quan trọng trong nhận thức đúng quá khứ, tìm ra quy luật vận động của cái đã qua để hiểu đúng hiện tại và góp một cơ sở đầy sức thuyết phục cho việc định hướng tương lai" (12). Đây cũng là dịp các nhà sử học tự khẳng định cần phải đổi mới bản thân, tìm kiếm các đối tượng nghiên cứu mới, như tác giả Phùng Hữu Phú đề xuất cần nghiên cứu lịch sử tư tưởng kinh tế; luận giải khoa học về nội dung các tư tưởng cải cách; hạt nhân hợp lý và yếu tố phi lý trong các dự án canh tân đất nước… Tiếp tục nghiên cứu về trí thức Việt Nam; nghiên cứu về con người và văn hoá Việt Nam; nghiên cứu lịch sử dân tộc gắn với lịch sử văn minh nhân loại, lịch sử các dân tộc láng giềng (13). Có thể nói Tạp chí NCLS là diễn đàn khoa học lịch sử sớm hưởng ứng chủ trương đổi mới, trước hết đổi mới phương pháp, đổi mới đối tượng và vấn đề nghiên cứu, để đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của cuộc sống. Sử học "phải trở thành công cụ sắc bén trong việc đổi mới tư duy, xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xây dựng lập trường, quan điểm đúng đắn, xây dựng ý thức và nhân cách xã hội chủ nghĩa" (14). Cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, Tạp chí NCLS đã mở rộng đội ngũ cộng tác viên và đa dạng hóa các lĩnh vực nghiên cứu, trao đổi trên Tạp chí. Cùng với việc đăng tải các bài viết về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, về chiến tranh cách mạng, Tạp chí đã công bố nhiều luận văn về kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, quan hệ quốc tế… nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế giai đoạn này.

2. Tính dân tộc trong nghiên cứu trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử

Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất trong cuộc vận động, xây dựng nền văn hoá Việt Nam mới là dân tộc hoá, chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, đưa văn hoá Việt Nam phát triển độc lập (15). Nhiều chuyên khảo trong Tập san VSĐ và sau này là Tạp chí NCLS đã thể hiện rõ định hướng dân tộc. Ngay từ số đầu tiên của Tập san VSĐ, vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt Nam đã được GS. Đào Duy Anh trình bày cặn kẽ. Năm 1980, GS. Phan Huy Lê đã có bài tổng kết về các thảo luận xung quanh vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam, theo đó, trong 25 năm, kể từ năm 1955 đến 1980, giới sử học đã công bố 40 luận văn về sự hình thành dân tộc, trong đó Tập san VSĐ và sau này là Tạp chí NCLS là diễn đàn công bố chủ yếu. Những nghiên cứu này cho rằng tính quốc gia đa dân tộc là đặc điểm quan trọng của lịch sử Việt Nam; do đó nghiên cứu lịch sử Việt Nam cần phải bao gồm quá trình thống nhất quốc gia và thống nhất các dân tộc (16).

Bài viết của THL trên số 6 của Tập san VSĐ khẳng định tinh thần đoàn kết dân tộc đã làm nên sức mạnh Việt Nam và coi đây là một định hướng mà các nhà nghiên cứu phải tìm tòi, đúc kết, phát hiện "Hai yếu tố đem lại thắng lợi cho cuộc chiến đấu của chúng ta là chính nghĩa và lực lượng dân tộc"… và "lực lượng bảo vệ hoà bình

hiện nay dựa trên khối đoàn kết dân tộc" (17). Từ định hướng chung, nhiều bài viết trên NCLS đã nghiên cứu, tìm hiểu về ý thức dân tộc Việt Nam và ý thức về đoàn kết các dân tộc trong quốc gia Việt Nam để tạo nên một sức mạnh tổng hợp (18).

Nhân dịp toàn thế giới kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO vinh danh Người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá, Tạp chí NCLS đã ra số đặc biệt nhấn mạnh tư tưởng độc lập dân tộc thể hiện qua tư tưởng của Hồ Chí Minh về đấu tranh giải phóng dân tộc, đồng thời thấm nhuần ý thức về bản sắc văn hoá dân tộc. Trong số này, GS. Đinh Xuân Lâm đã phân tích các sự kiện trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác Hồ, từ đó thấy được sự phát triển trong tư tưởng về dân tộc và văn hoá dân tộc của Người; nhưng đó không phải là một tư tưởng dân tộc cực đoan, mà là khát vọng phát triển dân tộc để "đóng góp cho sự phát triển chung của văn hoá nhân loại" (19). Trong một bài viết khác, tác giả Hồ Song nhấn mạnh tư tưởng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh gắn liền với giải phóng xã hội, xoá bỏ mọi ách áp bức, bóc lột và "hai yêu cầu ấy phải gắn liền với nhau, nương tựa lẫn nhau, cùng tác thành cho nhau, kết tinh lại trong lời hiệu triệu nổi tiếng "Không có gì quý hơn độc lập tự do" (20).

3. Tính đại chúng trong nghiên cứu trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử

Bản *Đề cương về văn hoá Việt Nam* đưa ra nguyên tắc đại chúng hoá trong vận động văn hoá có nghĩa là chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hoá phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng (21). Điều đó có nghĩa văn hoá phải gần gũi với nhân dân, phản ánh mọi mặt đời sống người dân. Trong nhiều tác phẩm đậm tính sử học của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã coi nhân vật trung tâm là công nhân, nông dân, những người lao động bị áp bức- từ phụ nữ cho đến cụ già, trẻ em. Tác giả Phan Ngọc Liên và Trương Hữu Quýnh cho thấy Người đã luôn đặt đoàn kết nhân dân như sức mạnh của dân tộc; và người làm sử cần thấy sức mạnh đó khi ghi chép lịch sử. Chẳng hạn trong bài diễn ca *Lịch sử Việt Nam*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lý giải về thành công và thất bại của các cuộc khởi nghĩa có nguyên nhân từ nhân dân, cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan thất bại là vì "Dân đoàn kết chưa sâu/Cho nên thất bại trước sau mấy lần"; còn khởi nghĩa Lam Sơn thành công là vì "Vì dân hăng hái kết đoàn/Nên khôi phục chóng giang sơn Lạc Hồng" (22).

Đối tượng nghiên cứu lịch sử ngày càng đa dạng và phong phú, phương pháp tiếp cận hạn chế tính kinh viện và mở rộng theo hướng liên ngành. Sử học không chỉ dành cho giới học giả ngồi trong tháp ngà; sử học đến với những người dân lao động, và ngược lại, nhà sử học phải lặn lội, kề vai sát cánh cùng với người dân để viết lịch sử của họ, "cán bộ tản về các đơn vị cùng các bạn tham gia xây dựng lịch sử tại chỗ; như vậy chẳng những chỉ đạo được sát, mà còn khai thác được những tài liệu vô cùng phong phú về mọi mặt, đồng thời học hỏi được những sáng kiến, những kinh nghiệm quý báu của quần chúng nhân dân" (23). Phương pháp tiếp cận "tham dự" hiện vẫn là phương pháp mang tính hiện đại, được áp dụng trong nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn nói chung và sử học nói riêng.

Sử học phục vụ nhân dân và lấy nhân dân làm đối tượng nghiên cứu đã được khẳng định trong bài "Sử học trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân", trong đó nêu rõ một trong những nhiệm vụ của khoa học lịch sử là "đi sâu khai thác những tinh hoa truyền thống trong lịch sử dân tộc, những kinh nghiệm lịch sử trong đấu tranh giữ nước và dựng nước, trong chiến đấu và sản xuất, nhằm phát huy mạnh mẽ trong nhân dân ta "truyền thống đoàn kết đấu tranh, chiến đấu cao đẹp" (24). Đời sống người nông dân và công nhân đã được đề cập đến trong nhiều nghiên cứu được đăng tải

trên Tạp chí (25) và trên hết, Tạp chí NCLS đã công bố những chuyên khảo làm rõ tiến trình cách mạng dẫn đến việc hình thành nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, nhà nước của dân, do dân và vì dân, một trong những đối tượng quan trọng nhất của nền sử học Việt Nam hiện đại.

4. Sử học Việt Nam trong hợp tác quốc tế trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử

Trước khi Ủy ban Khoa học Nhà nước được thành lập (1959), Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa gần như là tổ chức nghiên cứu khoa học duy nhất ở Việt Nam, là đối tác chính thức của các Viện Hàn lâm hoặc Ủy ban khoa học của các nước XHCN. Sau khi Ủy ban Khoa học Nhà nước ra đời, Viện Sử học được mang tên gọi chính thức, các mối quan hệ ngày càng đi vào chuyên sâu, thông qua việc trao đổi các đoàn công tác, các toạ đàm, hội thảo khoa học. Tập san VSĐ và Tạp chí NCLS đã đăng tải nhiều bài viết, thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế sôi nổi giữa giới sử học Việt Nam với thế giới; công bố nhiều bài viết của các học giả nước ngoài.

Năm 1955, trên số 29 của Tập san VSĐ trong bài viết "Giới sử học Việt Nam phải có mặt trong Đại hội Quốc tế các nhà sử học", xác định rõ giới sử học Việt Nam phải có mặt trên các diễn đàn khoa học lịch sử thế giới, trong đó nêu rõ: "Nước Việt Nam có một nền văn hoá lâu đời; nền sử học Việt Nam cũng có từ lâu đời… Chúng ta có thể tự hào là nền sử học Việt Nam đã được xây dựng từ lâu đời, đã có những cống hiến quý giá trong kho tàng văn hoá dân tộc và góp vào kho tàng văn hoá thế giới… Sau Cách mạng tháng Tám 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, giới sử học Việt Nam, với những vốn cũ của dân tộc, lại được trang bị bằng một quan điểm mới, quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác... Với những cơ sở đã sẵn có, thành tích sơ bộ đã đạt được, các nhà sử học Việt Nam rất xứng đáng được có mặt ở hội nghị quốc tế khoa học lịch sử" (26). Có thể thấy, nhu cầu hội nhập quốc tế trong nghiên cứu và giới thiệu lịch sử Việt Nam với bạn bè thế giới là điểm nhấn trong quá trình xây dựng nền sử học Việt Nam hiện đại.

Theo GS.VS. Trần Huy Liệu, bên cạnh việc giới thiệu lịch sử Việt Nam ra thế giới, các nhà sử học còn có trách nhiệm đấu tranh bảo vệ lý tưởng dân tộc, bảo vệ lẽ phải trên các diễn đàn học thuật quốc tế, bởi vì "học thuật phải được xây dựng trên một lập trường chính trị, ta đấu tranh trên địa hạt học thuật có nghĩa là đấu tranh cho quan điểm chính trị của ta về phương diện học thuật, vậy thì những cán bộ làm công tác sử học chúng ta cần phải có mặt luôn trong bất kỳ một cuộc giao phong nào về tư tưởng, về học thuật trên vũ đài quốc tế" (27). Yêu cầu mà GS.VS. Trần Huy Liệu đưa ra trên diễn đàn của Tạp chí NCLS thể hiện trách nhiệm cao của người làm công tác lịch sử, thể hiện tinh thần phản biện đấu tranh bằng con đường học thuật khoa học thẳng thắn, minh bạch và trung thực. Tinh thần này đã được các nhà sử học Việt Nam phát huy cao độ trên diễn đàn của Tạp chí NCLS qua các cuộc thảo luận, góp ý kiến, nhận xét phản biện. Tuy nhiên, để phát huy tinh thần phản biện khoa học này trên diễn đàn quốc tế cần có sự hội nhập sâu rộng hơn.

Trong quá trình hội nhập, đã có ý kiến trung thực cho rằng trình độ của giới nghiên cứu Việt Nam còn hạn chế, do đó cần học hỏi tiếp thu kinh nghiệm nghiên cứu của thế giới. Theo tác giả Phan Gia Bền, "so với một số ngành khoa học khác ở nước ta, trong thời gian qua, ngành sử học có tương đối phát triển hơn, hoạt động tương đối mạnh hơn, nhưng nhìn chung công tác nghiên cứu sử học còn có nhiều mặt yếu, trình độ nghiên cứu khoa học của cán bộ sử học hiện nay còn thấp so với trình độ khoa học quốc tế của ngành sử học. Do đó, để nâng cao trình độ nghiên cứu lịch sử, để đẩy mạnh công tác sử học, việc liên lạc hợp tác, học tập, tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước anh em là điều

cần thiết" (28). Những năm 1970, đặc biệt là sau khi Việt Nam giành thắng lợi trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước, giới học giả Mỹ và phương Tây có mối quan tâm đặc biệt đến lịch sử Việt Nam. Từ bài viết đầu tiên của nhà sử học Liên Xô Pancoratova trên số 13 của Tập san VSĐ, cho đến nay Tạp chí NCLS đã đăng tổng cộng 80 luận văn của các tác giả nước ngoài, trong đó nhiều bài tập trung vào lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn từ thời cổ đại đến hiện đại.

Từ sau khi đất nước tiến hành công cuộc Đổi mới, việc hợp tác quốc tế trên Tạp chí NCLS được tăng cường. Có thể thấy từ năm 1994 đến nay có sự hiện diện của đông đảo các học giả người Pháp là chuyên gia về Việt Nam học như Charles Founieur, Philippe Langlet, Alain Ruscio, Philippe Papin, Philippe Le Failler, Claudine Salmon, Emmanuel Poisson. Một số học giả Hàn Quốc có nhiều luận văn trên tạp chí như Insun Yu (6 bài); Song Jeoung Nam (10 bài). Bên cạnh đó, các học giả từ Nga, Mỹ, Nhật Bản… cũng tham gia đóng góp cho Tạp chí nhiều chuyên luận có giá trị.

5. Kết luận

Tập san *Văn Sử Địa* và sau này là Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* là một diễn đàn học thuật quan trọng, góp phần định hình diện mạo cho nền sử học Việt Nam mới, nền sử học của thời đại Hồ Chí Minh, đồng hành cùng sự hình thành và phát triển của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, và sau này là Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những quan điểm về việc xây dựng nền sử học này được vun đắp cùng với sự phát triển của nền khoa học Việt Nam hiện đại. Tạp chí NCLS (tiền thân là Tập san VSĐ), trong gần 70 năm qua đã nỗ lực công bố kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước và quốc tế, tạo nên một nền tảng học thuật hiện đại, chú trọng tính khoa học, tính dân tộc, tính đại chúng và hợp tác quốc tế. Phương pháp duy vật lịch sử và biện chứng lịch sử đã được áp dụng để giải quyết các vấn đề quan trọng của lịch sử như dân tộc Việt Nam thành hình từ bao giờ, tiêu chuẩn để phân kỳ lịch sử Việt Nam, nghiên cứu về giai cấp công nhân Việt Nam, giai cấp tư sản Việt Nam, nhìn nhận về nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam… Bên cạnh nghiên cứu lịch sử Việt Nam, nhiều bài viết đã nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử thế giới. Đặc biệt, các nhà sử học đồng hành cùng thời đại của mình, nghiên cứu con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam hướng tới "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh". Định hướng "dân tộc, đại chúng", song hành cùng hợp tác quốc tế là những nguyên tắc của nền sử học mới đã được các nhà nghiên cứu thể hiện rõ nét trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*.

CHÚ THÍCH

(1). Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học Việt Nam, "Cùng các bạn đọc Tập san Nghiên cứu Sử Địa Văn", Tập san *Nghiên cứu Sử ký-Địa lý-Văn học* (Sử Địa Văn), số 1 tháng 6-1954.

(2). Năm 1955 có Tập san *Đại học Sư phạm* và sau này các trường đại học, các viện nghiên cứu chuyên ngành cũng ra các tập san, các tạp chí nghiên cứu.

(3). Tên gọi ban đầu là Tập san *Sử ký - Địa lý - Văn học* (gọi tắt là Sử Địa Văn), ra số đầu tháng 6-1954; đến số 3 (ra tháng 10-1954) đổi thành *Tập san Nghiên cứu Văn học - Lịch sử - Địa lý* (Văn Sử Địa, viết tắt là VSĐ). Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* lúc đầu có tên gọi Tập san *Nghiên cứu Lịch sử* (viết tắt NCLS), ra số đầu tháng 3-1959; đến số tháng 4-1960 có tên gọi Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*).

(4). Theo tinh thần của bản *Đề cương về văn hoá Việt Nam*, ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hoá nước Việt Nam là dân tộc hoá, đại chúng hoá, khoa học hoá. Xem Đảng cộng sản

Việt Nam, "Đề cương về văn hoá Việt Nam", *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 7, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.319. Trong bài viết này, chúng tôi nhấn mạnh đến tính khoa học, sau đó là dân tộc và đại chúng. Khảo sát các bài viết trên Tạp chí NCLS, nhận thấy định hướng hợp tác quốc tế khá rõ ràng nên chúng tôi coi đây là chủ trương của Tạp chí.

(5). Ban Nghiên cứu Sử Địa Văn, "Khoa học lịch sử và công tác cách mạng", Tập san *Nghiên cứu Sử ký - Địa lý - Văn học* (Sử Địa Văn), số 1 tháng 6-1954, tr.3.

(6). Nguyễn Khánh Toàn, "Dưới lá cờ của chủ nghĩa Mác-Lênin, có Đảng tiền phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, dân tộc Việt Nam trở nên một lực lượng cách mạng lớn của thời đại anh hùng của chúng ta", NCLS số 160, 1975, tr.6.

(7), (8). Đào Duy Anh, "Văn hoá Đông Sơn hay văn hoá Lạc Việt", VSĐ số 1, 1954, tr.14, 15.

(9). Sau sự kiện Dreyfus ở Pháp, phương Tây mới tập trung vào "intellectual" như là một giai tầng đặc biệt có trách nhiệm đối với xã hội. Trước thế kỷ 19, khái niệm "intellectual" hoặc "intelligentsia" không được sử dụng để chỉ một "giai tầng". Những người làm việc trí óc được mô tả qua các từ "clerisy" (trí thức), "man of letter", "literary men" (kẻ sĩ), hoặc "cultivators of science" (người vun trồng khoa học). Sau những năm 1870, 1880 mới dùng các từ "intellectual", "intellectual life" (trí thức, đời sống trí thức). Xem Thomas William Hayek. "Myths and Meanings of Intellectuals in Twentieth-Century British National Identity", *The Journal of British Studies,* Vol 37, No 2 (tháng 4-1998).

(10). Tạp chí NCLS đã công bố nhiều bài viết của các học giả Việt Nam và nước ngoài về vai trò của nhà sử học đối với thời đại của mình, xem Giăng Bơ-Ruy-Ha, "Nhà sử học đứng trước thời đại mình", NCLS số 42, 1962, tr.51-63; Đinh Xuân Lâm, "Đối tượng sử học và lịch sử hiện đại", NCLS số 93, 1966, tr.33-36; Trần Đức Cường, "Viện Sử học phục vụ nhiệm vụ chính trị của đất nước", NCLS số 450 năm 2013, tr.25-31.

(11). Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, "Vấn đề đổi mới trong công tác nghiên cứu lịch sử ở nước ta hiện nay", NCLS, số 258, 1991, tr.1.

(12), (13), (14). Phùng Hữu Phú, "Công cuộc đổi mới và những vấn đề đặt ra đối với sử học", NCLS số 258, 1991, tr.2, 3-4, 1.

(15). Đảng cộng sản Việt Nam, "Đề cương về văn hoá Việt Nam", *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.319.

(16). Phan Huy Lê, "Cuộc hội thảo về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam", NCLS, số 200, 1980, tr.3.

(17). THL, "Tinh thần tranh đấu để bảo vệ độc lập và hoà bình của dân tộc Việt Nam", VSĐ, số 6, 1955, tr.6.

(18). Xem Văn Tân, "Ý thức dân tộc Việt Nam trong giai đoạn lịch sử Lý - Trần", NCLS số 42, 1962; Văn Tân "Thế hệ chúng ta với truyền thống dân tộc", NCLS số 108, 1968; Nguyễn Văn Nhật, Cách mạng Tháng Tám-biểu tượng sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân vì mục tiêu độc lập dân tộc", NCLS số 311 năm 2000...

(19). Đinh Xuân Lâm, "Hồ Chí Minh và sự kết hợp văn hoá với cách mạng", NCLS số 249, 1990, tr.19.

(20). Hồ Song, "Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với vấn đề độc lập dân tộc trong cách mạng Việt Nam", NCLS số 249, 1990, tr.30.

(21). Đảng cộng sản Việt Nam, "Đề cương về văn hoá Việt Nam", *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 7, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.319.

(22). Phan Ngọc Liên, Trương Hữu Quýnh, "Mấy vấn đề phương pháp luận sử học trong tác phẩm của Hồ Chủ tịch", NCLS số 162, 1975, tr.15.

(23). Viện Sử học Việt Nam, "Công tác sử học bắt đầu đi vào cán bộ và nhân dân, NCLS số 7, 1959, tr.2.

(24). Viện Sử học Việt Nam, "Sử học trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân", NCLS số 6, 1981, tr.4.

(25). Một loạt các bài viết của tác giả Nguyễn Công Bình, Cao Văn Biền, Thi Sảnh, Vũ Huy Phúc, Văn Tạo, Bùi Đình Thanh, Chương Thâu, Đặng Việt Thanh, Nguyễn Thị Đảm, Tạ Thị Thuý... về công nhân Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc; Nguyễn Văn Nhật, Đinh Quang Hải… về đời sống công nhân Việt Nam giai đoạn đương đại.

(26). Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, "Giới sử học VN phải có mặt trong Đại hội Quốc tế các nhà sử học", VSĐ số 29, 1957, tr.2.

(27). Trần Huy Liệu, "Mấy ý kiến về công tác sử học trong quan hệ quốc tế", NCLS số 52, 1963, tr.2.

(28). Phan Gia Bền, "Phát huy tác dụng của việc liên lạc hợp tác quốc tế với công tác sử học", NCLS số 21, 1960, tr.46.